

QSP-110

DC~110GHz

特点:

- * 耐用
- * 低损耗
- * 低驻波

应用:

- * 微波测试

技术参数

| 频率 (GHz) | 间距 (μm) | 触点大小 (μm) | 插损 (dB Max.) | 驻波 (Max.) | 触点形式 | 连接器角度 | 连接器 | 尺寸结构 |
|-------------|--------------------------|---------------------------|-----------------|---------------|------|-------|----------|------|
| DC~110 | 50, 75, 100 | 30 | 1.5 | 2 | GSG | 45° | 1.0mm 母头 | 图 1 |
| | 125 | 30 | 1 @DC~67GHz | 1.4 @DC~67GHz | GS | | | |
| | 50, 75, 100, 125, 150 | 30 | 1.3 @150um | 1.6 @150um | GSG | 45° | 1.0mm 母头 | 图 2 |

电气性能

频率: DC~110GHz
 推荐超程: 50 μm ~75 μm
 阻抗: 50 Ω

环境条件

工作温度: -45~+85°C

机械性能

材料: 铝合金
 探针端头材料: 镀铜镀金 (图 1)
 镀金镍合金 (图 2)

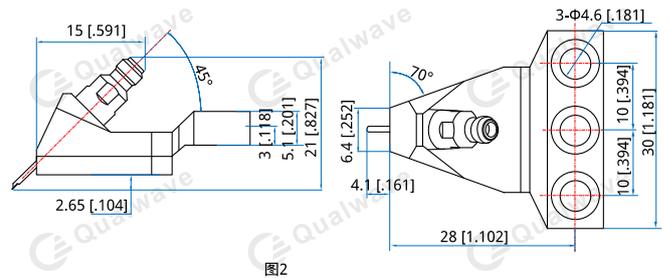
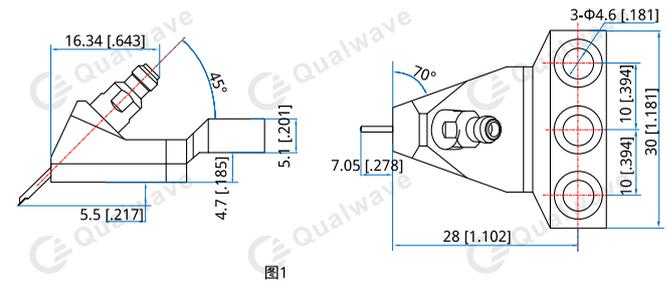
命名规则
QSP-110-V-W-X-Y-Z-U-T

- V: 触点形式
- W: 间距 (μm)
- X: 触点大小 (μm)
- Y: 连接器角度 (45 - 45°)
- Z: 材料 (A - 铝合金)
- U: 探针端头材料 (C - 镀铜镀金, N - 镀金镍合金)
- T: 序列代号 (如果有外观不同的重复型号)

示例:

单端口探针, DC~110GHz, GSG, 间距 75 μm , 30 μm , 45°, 铝合金, 镀铜镀金, 型号: QSP-110-GSG-75-30-45-A-C.

可根据要求定制。

结构尺寸


单位: mm [in]
 公差: $\pm 0.25\text{mm}$ [$\pm 0.01\text{in}$]